

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÀ NẴNG
(DANANG PORT JOINT STOCK COMPANY)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

ĐÀ NẴNG, NGÀY 16 THÁNG 4 NĂM 2018

MỤC LỤC

I. Thông tin chung

- 1 Thông tin khái quát.....
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....
- 4 Định hướng phát triển.....
- 5 Các rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....
- 4 Tình hình tài chính.....
 - a Tình hình tài chính.....
 - b Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
- 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....
- 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....
- 2 Tình hình tài chính.....
 - a Tình hình tài sản.....
 - b Tình hình nợ phải trả.....
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai.....
- 5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....
- 6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- 1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của BGD.....
- 3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....

V. Quản trị công ty

- 1 Hội đồng quản trị.....
- 2 Ban Kiểm soát.....
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. Báo cáo tài chính

- 1 Ý kiến kiểm toán.....
- 2 Báo cáo tài chính được kiểm toán.....

Xác nhận đại diện theo pháp luật của Công ty

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÀ NẴNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101972 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/07/2014; đăng ký thay đổi lần 5 ngày 14/02/2019.
- Vốn điều lệ tính đến 31/12/2018 là 990.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 26 Bạch Đằng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại: 0236.38222512 - Fax: 0236.3822 565
- Mã số thuế : 0400101972
- E-mail: cangdn@danangport.com
- Website: www.danangport.com
- Mã cổ phiếu: CDN

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 19/01/1976 Cảng Đà Nẵng được Bộ Giao thông Vận tải giao Cục đường biển trực tiếp quản lý tại Quyết định số 222-QĐ/TC
- Ngày 15/06/1993 Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định số 1163/QĐ-TCLĐ thành lập doanh nghiệp Nhà nước Cảng Đà Nẵng trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 08/05/1998 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 91/1998/QĐ-TTg chuyển Cảng Đà Nẵng làm thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 12/10/2007 Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Quyết định số 3089/QĐ-BGTVT về việc chuyển Cảng Đà Nẵng – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng.
- Ngày 01/04/2008 Cảng Đà Nẵng hoàn thành các thủ tục chuyển đổi và đăng ký kinh doanh, chính thức hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Ngày 06/05/2014 Tổng công ty hàng hải Việt Nam có quyết định số 216/QĐ-HHVN ngày 6/5/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng thành Công ty Cổ phần.
- Ngày 25/07/2014 Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng thành Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0400101972 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/02/2019, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm các ngành nghề chính:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng biển và cảng sông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Đại lý tàu biển, vận tải đường biển; kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng;
- Hỗ trợ, lai dắt hỗ trợ tàu biển; vận chuyển, bảo quản; kiểm đếm và giao nhận;
- Dịch vụ Logistics; kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh, kho khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Xây dựng nhà; các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng, bất động sản;
- Cho thuê xe có động cơ;

Cảng Đà Nẵng nằm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, một thành phố năng động đóng vai trò trung tâm về kinh tế - xã hội của miền Trung, với vị trí địa lý tự nhiên nằm trong Vịnh Đà Nẵng rộng 12 km², độ sâu từ 10 – 17 mét, được bao bọc bởi núi Hải Vân và bán đảo Sơn Trà, kín gió cùng với đê chắn sóng dài 450 mét thuận lợi cho các tàu neo đậu và làm hàng quanh năm. Với lịch sử trên 100 năm hình thành và phát triển, hiện tại Cảng Đà Nẵng là cảng biển lớn nhất khu vực miền Trung Việt Nam. Hệ thống giao thông đường bộ nối liền giữa Cảng với Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Ga đường sắt, Vùng hậu phương rất rộng rãi và thông thoáng, thuận lợi trong việc xuất nhập hàng hóa cho khu vực. Hàng hóa xuất nhập thông qua Cảng, theo Quốc lộ 1A để đến các tỉnh phía Bắc và phía Nam của Thành phố, theo Quốc lộ 14B để đến các tỉnh Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan. Cảng Đà Nẵng có 01 cảng chính là Xí nghiệp Cảng Tiên Sa.

Cảng Tiên Sa là cảng biển nước sâu tự nhiên, có độ sâu lớn nhất là 12 mét nước, tổng chiều dài cầu bến là 1192 mét, bao gồm 2 cầu nhô và 1 cầu liền bờ chuyên dụng khai thác container và 02 cầu kè. Cảng Tiên Sa có khả năng tiếp nhận tàu hàng tổng hợp đến 40.000 DWT, tàu container đến 2.000 teus và tàu khách đến 75.000 GRT. Cảng Tiên Sa được coi là một trong số ít các cảng tại Việt Nam có điều kiện tự nhiên thuận lợi và tiềm năng để phát triển thành một cảng biển lớn.

Theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Đà Nẵng được xác định là một cảng lớn của khu vực. Trong đó, Cảng Tiên Sa có khu bến container với hệ thống kho bãi, đê chắn sóng, thiết bị chuyên dụng hiện đại, phục vụ giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế, du lịch cho vùng hậu phương gồm các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan thông qua tuyến hàng lang kinh tế Đông Tây. Cảng Đà Nẵng còn được xác định là một trong những cửa ngõ chính ra biển Đông của tiểu vùng Me Kông (Great MeKong Subregion - GMS). Hệ thống Khai thác và quản lý Cảng đã được đơn vị BV - Vương quốc Anh công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000, mọi hoạt động của Cảng đều định hướng vào những lợi ích thiết thực của khách hàng. Hiện nay, Cảng Đà Nẵng đang từng bước triển khai áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO 14001:2010 để bảo vệ môi trường, một trong những yếu tố quan trọng để phát triển bền vững. Với việc năng động tìm kiếm khách hàng, xây dựng mạng lưới đối tác, đẩy

mạnh nghiên cứu cũng như phát triển thị trường, thương hiệu Cảng Đà Nẵng dần dần được xác lập trong ngành hàng hải Việt Nam và khu vực.

Với những thành tích đạt được, Cảng Đà Nẵng đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng ba, Huân chương lao động hạng nhì, Huân chương lao động hạng nhất, Huân chương độc lập hạng ba, Huân chương độc lập hạng nhì, Bằng khen Thủ tướng chính phủ năm 2015. Đây là những phần thưởng ghi nhận công lao đóng góp, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên Cảng Đà Nẵng, đồng thời cũng giúp Cảng Đà Nẵng vững tin hơn cho một tương lai tươi sáng, vững bước trên con đường phát triển trở thành một trong những cảng biển hiện đại hàng đầu của cả nước cũng như khu vực.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

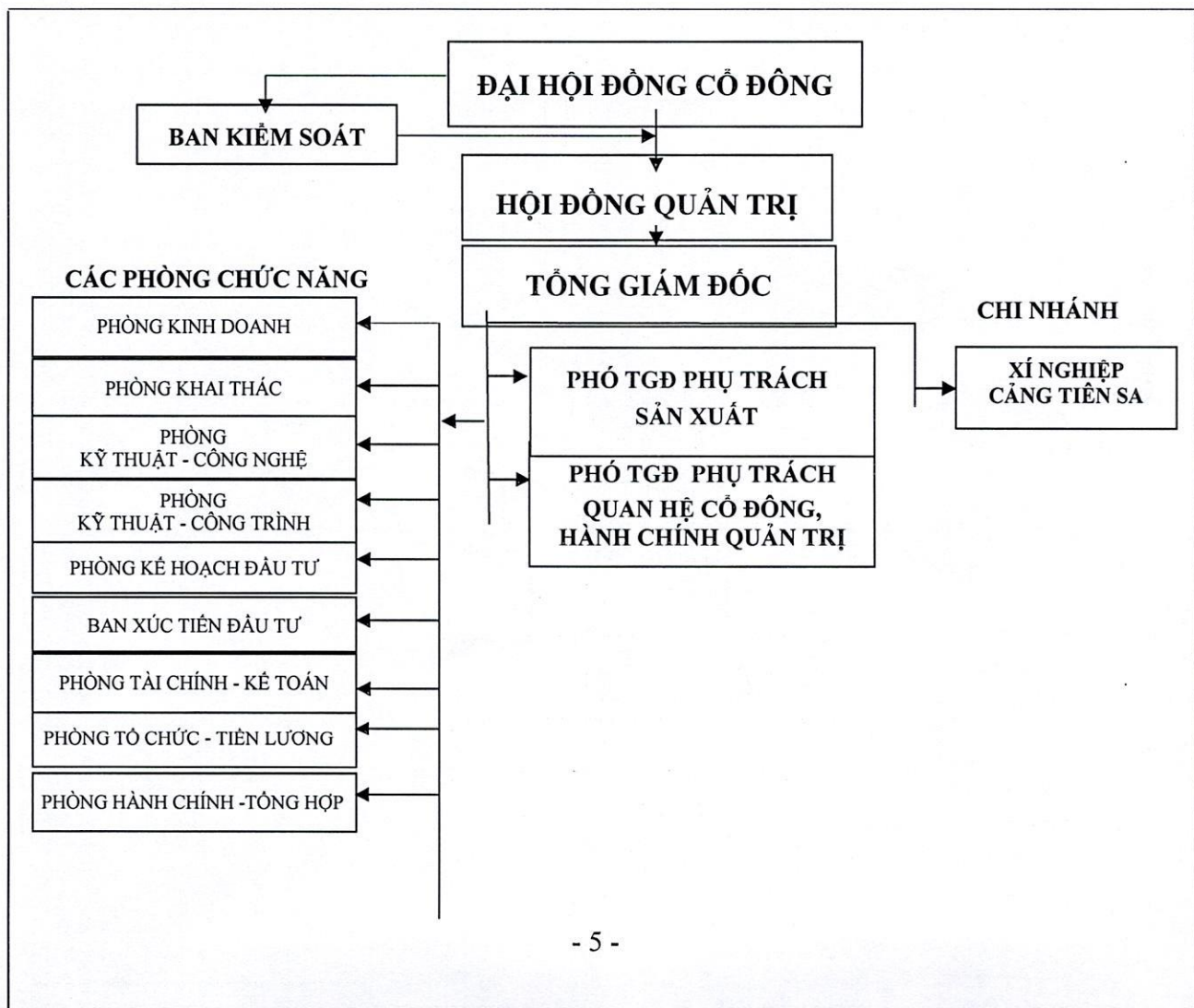
Mô hình quản trị

Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Bộ máy tổ chức của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành;

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



↓

CÔNG TY CỔ PHẦN VỐN GÓP

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU LAI
CẢNG ĐÀ NẴNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
CẢNG ĐÀ NẴNG**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1.	Ông Trần Lê Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Nguyễn Hữu Sia	Thành viên HĐQT
3.	Ông Lê Quảng Đức	Thành viên HĐQT
4.	Ông Phan Bảo Lộc	Thành viên HĐQT
5.	Ông Trần Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
6.	Ông Lương Đình Minh	Thành viên HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH
1.	Ông Nguyễn Hữu Sia	Tổng giám đốc
2.	Ông Dương Đức Xuân	Phó Tổng giám đốc Phụ trách Sản xuất
3.	Ông Lê Quảng Đức	Phó Tổng giám đốc Phụ trách Quan hệ cổ đông, Hành chính quản trị

(Nguồn : Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng)

Diễn giải :

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không tham gia điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không tham gia điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban.

Ban điều hành: Gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

Các Phó Tổng Giám đốc: Giúp việc cho Tổng Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

Các phòng, ban chức năng:

Phòng Tổ chức – Tiền lương;

Phòng Kỹ thuật – Công nghệ;

Phòng Kỹ thuật – Công trình;

Phòng Kế hoạch đầu tư ;

Phòng Tài chính – Kế toán;

Phòng Kinh doanh;

Phòng Khai thác;

Phòng Hành chính – Tổng hợp.

Ban Xúc tiến đầu tư

Các đơn vị phụ thuộc

+Xí nghiệp Cảng Tiên Sa

Các doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ

+ CTCP Logistics Cảng Đà Nẵng;

+ CTCP Tàu lai Cảng Đà Nẵng.

Cơ cấu bộ máy quản lý.

Công ty mẹ : Tổng Công ty hàng hải Việt Nam – Địa chỉ số 01 Đào Duy Anh – Q.Đống Đa – Hà Nội. Tổng giá trị góp vốn vào Cảng Đà Nẵng là 742.500.000.000 đồng (tương ứng : 75,00%).

Công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Cảng Đà Nẵng :

S T T	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn góp của Cảng Đà Nẵng		Mối quan hệ
			Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %	
1	CTCP Logistics Cảng Đà Nẵng	Số 45 Yết Kiêu, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	19.907,66	45,00	Công ty liên kết
2	CTCP Tàu lai Cảng Đà Nẵng	Số 02 đường 3/2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	10.182,15	36,00	Công ty liên kết

4. Định hướng phát triển.

Mục tiêu giai đoạn 2016-2020

Cảng Đà Nẵng phát triển hướng tới là 1 cảng xanh (Green Port), theo 2 trụ cột: Khai thác trong cảng và dịch vụ Logistics ngoài cảng. Công tác khai thác cảng bao gồm: chuyên khai thác tàu Container, tàu khách du lịch và tàu chuyên dùng có trọng tải lớn; Khai thác dịch vụ logistics ngoài cảng bao gồm: kinh doanh kho bãi, kho CFS, kho ngoại quan, trung tâm phân phối hàng hóa,...

Cảng Đà Nẵng sẽ là cảng biển hiện đại có năng lực khai thác Container số 1 miền Trung, nằm trong top 10 các cảng Container của Việt Nam và phát triển dịch vụ logistics để góp phần xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm logistics của khu vực miền Trung.

Tầm nhìn giai đoạn 2020-2030

Cảng Đà Nẵng, bắt đầu đầu 2022 xây dựng Cảng Liên Chiểu 2 bến container, đến đầu năm 2024 hoàn thành đưa vào sử dụng để chuyển một phần hàng hoá của Cảng Tiên Sa qua cảng Liên Chiểu. Cảng Tiên Sa bắt đầu 2024 chuyển đổi một phần công năng vừa khai thác container và phát triển cảng du lịch.

Giai đoạn 2025 – 2030: tại khu vực Tiên Sa, hình thành bến tàu khách du lịch đón tàu có trọng tải 150.000 GT và trở thành Cảng du lịch lớn nhất miền Trung.

Hoạt động dịch vụ logistics chiếm tỷ trọng ngang bằng hoạt động khai thác cảng.

Cảng Đà Nẵng sẽ là cửa ngõ giao thương của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên, đầu mối liên kết các hoạt động giao thương quốc tế với miền Trung Việt Nam. Cảng Đà Nẵng sẽ hoạt động với vai trò như một trung tâm dịch vụ và điều phối Logistic của Miền Trung Việt Nam.

5. Các rủi ro

Rủi ro về kinh tế:

Kinh tế - tài chính thế giới trong năm 2018 đã có nhiều diễn biến phức tạp. Những tín hiệu kinh tế vĩ mô tích cực khiến FED lần đầu tiên tăng lãi suất trong gần 01 thập kỷ và gợi mở lộ trình tăng lãi suất theo hướng thận trọng và từ từ. Tuy nhiên, nền kinh tế Mỹ từ cuối Quý 4, lĩnh vực sản xuất có dấu hiệu chững lại. Kỳ vọng mức lãi suất điều hành của FED trong năm 2018 sẽ chỉ từ 1% trở xuống. Nền kinh tế Châu Âu phục hồi chậm dưới tác động của sự suy giảm mạnh giá cả hàng hóa. Trong khi đó, các biện pháp kích thích kinh tế của ECB chưa mang lại hiệu quả như mong đợi. Nền kinh tế Trung Quốc ngày càng bộc lộ những dấu hiệu giảm tốc rõ nét trong bối cảnh việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng không diễn ra thuận lợi như kỳ vọng.

GDP năm 2018 ước tăng 6,7%. Sự phục hồi của lĩnh vực sản xuất không đồng đều với sự nổi trội thuộc về khối FDI. Cầu tiêu dùng và cầu đầu tư nội địa phục hồi ở mức vừa phải. Bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với rủi ro từ những biến động lớn trên thế giới.

Sự cạnh tranh của các Cảng tại địa phương cũng như các Cảng trong khu vực ngày càng lớn, đặc biệt là Cảng Chu Lai-Trường Hải.

Những rủi ro kinh tế trên, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, và Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng cũng không nằm ngoài sự tác động trên.

Rủi ro về xã hội

Xung đột giao thông trên các tuyến đường dẫn vào Cảng Tiên Sa vẫn chưa được giải quyết, thành phố vẫn còn cấm lưu thông xe container trong một số giờ cao điểm nhất định.

Rủi ro về tỷ giá, lãi suất

Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng hiện đang còn nợ đầu tư xây dựng Cảng Tiên Sa giai đoạn 1 bằng ngoại tệ nên chịu ảnh hưởng rủi ro về tỷ giá, lãi suất biến động.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh... là những rủi ro bất khả kháng. Tuy rất ít khả năng xảy ra, nhưng nếu có thì sẽ gây tác động lớn đến tình hình kinh doanh và nguy cơ thiệt hại về người và của cho Công ty, đặc biệt là công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng biển.

II Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2018	TH 2018	So sánh TH/KH 2018
1	Sản lượng thông qua	Tấn	8.819.000	8.650.000	98,08%
	<i>Trong đó: Container</i>	<i>Teus</i>	<i>375.000</i>	<i>370.017</i>	<i>98,67%</i>
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	682.000	718.090	105,27%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	178.200	183.384	102,91%

- Năm 2018, sản lượng thông qua Cảng Đà Nẵng đạt 8,65 triệu tấn hàng hoá đạt 98,08% so với kế hoạch đề ra cho năm 2018 (8,819 triệu tấn) và tăng 7,88% so với cùng kỳ năm 2017.

Trong đó, container đạt 370.017 Teus, đạt 98,67% so với kế hoạch 2018 và tăng 6,02% so với cùng kỳ năm 2017.

- Doanh thu thực hiện năm 2018 đạt trên 718,090 tỷ đồng, tăng 15,80% so với thực hiện năm 2017 và tăng 5,27% so với kế hoạch năm 2018 đã đề ra.

- Lợi nhuận thực hiện năm 2018 đạt 183,384 tỷ đồng tăng 12,96% so với thực hiện năm 2017, tăng 2,91% so với kế hoạch năm 2017.

2. Tổ chức và nhân sự

STT	Tên	Chức vụ	Số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Hữu Sia*	Tổng Giám đốc	7.953.200 cổ phần
2	Dương Đức Xuân	Phó Tổng Giám đốc	10.100 cổ phần
3	Lê Quảng Đức	Phó Tổng Giám đốc	7.965.900 cổ phần

*: Ông Nguyễn Hữu Sia đã nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí từ ngày 2/2/2019

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

S T T	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC C VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN ÔN MÔN	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	Nguyễn Hữu Sia	01/01/1959	Bí thư đảng ủy, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Kinh tế QTKD - Cử nhân Ngoại ngữ	- 1982 – 1985: Kế toán phòng Tài chính Kế toán Cảng Đà Nẵng - 01/1986 – 6/1992: Phó giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ Tiên Sa - 7/1992 – 3/1997: Phó phòng Tài chính Kế toán Cảng Đà Nẵng - 4/1997 – 6/2004: Kế toán trưởng Cảng ĐN - 7/2004 – 12/2007: Ủy viên Ban chấp hành đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Cảng Đà Nẵng. - 01/2008 – T7/2014: Ủy viên Ban chấp hành đảng ủy, Ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy (Kể từ tháng 05/2010), Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cảng Đà Nẵng. - T7/2014 đến nay: Tổng Giám đốc công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng - T7/2015 đến 1/2/2019: Bí thư Đảng ủy Công ty	12,05%
2	Dương Đức Xuân	28/8/1964	Đảng ủy viên, Phó Tổng giám	Cử nhân Kinh tế lao động, Cử nhân Ngoại	- 1988 – 1991: Nhân viên văn phòng Xí nghiệp xếp dỡ Tiên Sa, Cảng ĐN. - 1991 – 1993: Phó kho hàng Xí nghiệp xếp dỡ Tiên Sa, Cảng Đà Nẵng. - 1993 – 2003: Trưởng ca sản xuất Trung tâm khai thác, Cảng Đà Nẵng.	0,01%

			độc phụ trách sản xuất	ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - 2004 – 2008: Đảng ủy viên Đảng bộ bộ phận, Phó Giám đốc Xí nghiệp xếp dỡ Tiên Sa, Cảng Đà Nẵng. - 2008 – 2010: Đảng ủy viên Đảng bộ bộ phận, Phó Giám đốc Xí nghiệp Cảng Tiên Sa, Công ty TNHH một thành viên Cảng Đà Nẵng. - 2010 – 6/2004: Phó Bí thư Đảng bộ bộ phận, Phó Giám đốc Xí nghiệp Cảng Tiên Sa, Công ty TNHH một thành viên Cảng Đà Nẵng. - 7/2014 – 6/2015: Phó Bí thư Đảng bộ bộ phận, Phó Giám đốc Xí nghiệp Cảng Tiên Sa, Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng. - 7/2015 – 1/2016: Đảng ủy viên, Phó Giám đốc Xí nghiệp Cảng Tiên Sa, Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng. - 2/2016 – 6/2016: Đảng ủy viên, Giám đốc Xí nghiệp Cảng Tiên Sa, Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng - 6/2016 đến nay: Đảng ủy viên, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đà Nẵng 	
3	Lê Quảng Đức	10/8/ 1967	Phó Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HQ T, Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - 11/1991 – 10/1994: Chuyên viên phòng thuế Công nghiệp – Xây dựng, Cục thuế Quảng Nam – Đà Nẵng - 11/1994 – 02/1997: Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Phát hành, Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng - 3/1997 – 09/2001: Kế toán trưởng Xí nghiệp in SGK Hòa Phát - Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng - 10/2001 – 02/2002: Kế toán trưởng, Phó Chủ tịch Công đoàn Xí nghiệp in SGK Hòa Phát - Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng. - 3/2002 – 10/2004: Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Xí nghiệp in SGK Hòa Phát. Phó Bí thư chi bộ, Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần in SGK Hòa Phát. - 11/2004 – 4/2006: Bí thư chi bộ, Phó phòng phụ trách phòng Tài chính 	12,06%

				Kế toán Cảng ĐN - 5/2006 – 12/2007: Kế toán trưởng, Ủy viên BCH Công đoàn Cảng ĐN - 01/2008 – 12/2013: Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy (Kể từ 2010), Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng, Ủy viên Ban thường vụ Công đoàn, Công ty TNHH một thành viên Cảng Đà Nẵng. - 01/2014 – T7/2014: Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên Ban thường vụ Công đoàn, Công ty TNHH một thành viên Cảng Đà Nẵng. - T7/2014 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng - T7/2015 đến nay: Phó bí thư Đảng ủy Công ty	
--	--	--	--	---	--

- Những thay đổi trong ban điều hành.

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số cán bộ công nhân viên tính đến 31/12/2018 là 653 người, trong đó Khối văn phòng là 64 cán bộ công nhân viên, Xí nghiệp Cảng Tiên Sa là 589 cán bộ công nhân viên.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Số lượng người lao động: 653 người, mức lương bình quân: 21 triệu đồng/người/năm.

Công ty áp dụng Luật lao động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam dành cho người lao động tại công ty. Ngoài ra, công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe, các chính sách về tái tạo sức lao động, hỗ trợ người lao động ăn giữa ca, đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động...

Trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng đã phối hợp trực tiếp với các đơn vị đào tạo uy tính như Crestcom Việt Nam, PACE, VCCI... tổ chức nhiều khóa đào tạo do các Giảng viên có uy tín và kinh nghiệm giảng dạy. Các khóa đào tạo này đã tập trung vào những vấn đề cụ thể, cần thiết như Giám đốc điều hành, Giám đốc nhân sự, Giám đốc sản xuất, Giám đốc Tài chính, Quản trị bản thân, Văn hoá doanh nghiệp... nâng cao kỹ năng lãnh đạo.

Đối với lực lượng công nhân viên kỹ thuật, Cảng Đà Nẵng đã lên kế hoạch đào tạo, trong đó có các chương trình đào tạo dành riêng cho khối kỹ thuật để từng bước tiếp cận với công nghệ hiện đại, Cảng Đà Nẵng đã phối hợp với Công ty đào tạo Tân Cảng (Tân Cảng STC) để nghiên cứu và triển khai các chương trình đào tạo phù hợp với thực tế và nhu cầu phát triển của Cảng, làm chủ được các công nghệ, thiết bị, phương tiện hiện đại.

Song song với đào tạo trong nước, trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng cũng cử nhiều lượt cán bộ tham gia các Hội thảo tại nước ngoài như Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Brunei... nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng đã tổ chức cho cán bộ công nhân viên Cảng đi nghỉ mát tại Tp Hội An và thành phố Đà Nẵng. Cảng Đà Nẵng tiếp tục duy trì công tác chăm lo cho đời sống tinh thần của người lao động, giúp người lao động có thời gian nghỉ ngơi, phục hồi năng lượng để tiếp tục công hiến lao động sản xuất. Cảng Đà Nẵng cũng đã tổ chức lại bữa ăn, nâng cấp bếp ăn tại XN Cảng Tiên Sa, đảm bảo được đời sống cho người lao động.

Hàng năm, các cán bộ có cống hiến, đóng góp cho Cảng Đà Nẵng đều được tham gia các chương trình du lịch tại nước ngoài giúp nâng cao sự gắn kết và tạo tinh thần phấn chấn, duy trì và nâng cao sự hiệu quả và tận tâm của người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Nhằm tăng cường năng lực về cầu bến và xếp dỡ, trong năm 2018, cảng đã tiến hành đầu tư các hạng mục và công trình lớn:

Tổng giá trị thực tế đã đầu tư năm 2018:

ĐVT: Triệu đồng

-XÂY DỰNG CƠ BẢN	69.113
-PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ VÀ CNTT	191.669

Tổng giá trị đã đầu tư cho năm 2018 là 260,782 tỷ đồng.

Trong đó: Các dự án đầu tư chuyển tiếp từ năm 2016: Nâng cấp, mở rộng cảng Tiên Sa (Giai đoạn II).

Các dự án đã triển khai trong năm 2018:

+ Đầu tư XD CB: Trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng tập trung chủ yếu vào công tác thi công xây dựng dự án Nâng cấp, mở rộng cảng Tiên Sa (Giai đoạn 2). Đầu tư xây dựng một số hạng mục tại cầu 3 - Cảng Tiên Sa tiếp nhận tàu khách đến 150.000 GT (Bước 1), Bến trung chuyển hàng hoá bằng đường thủy tại Liên Chiểu, tìm kiếm đối tác tại dự án Trung tâm dịch vụ Logistics.

- Dự án Nâng cấp, mở rộng Tiên Sa(Giai đoạn 2): Hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 28/07/2018.

- Dự án Đầu tư xây dựng một số hạng mục tại cầu 3 - Cảng Tiên Sa tiếp nhận tàu khách đến 150.000 GT (Bước 1): Đã hoàn thành Bước 1 của dự. Cảng Đà Nẵng đang phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường, Bộ tư lệnh Vùng 3 Hải Quân để triển khai Bước 2 của dự án.

- Thuê đơn vị tư vấn và tìm kiếm đối tác đầu tư dự án Trung tâm dịch vụ Logistics tại xã Hoà Nhơn, huyện Hoà Vang; Dự án Bến trung chuyển hàng hoá bằng đường thủy tại Liên Chiểu.

+ Phương tiện thiết bị và CNTT: Trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng đã triển cá dự án như: Dự án đầu tư 04 xe đầu kéo và 03 rơ mooc chuyên dùng: đã hoàn thành đưa vào sử dụng; Dự án

Nâng cấp các hạng mục CNTT: đã hoàn thành được 30% khối lượng, dự kiến hoàn thành vào quý III/2019; Dự án đầu tư Hệ băng chuyền tải dăm gỗ: đang trong quá trình thực hiện.

b. Các công ty con, công ty liên kết

S T T	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn góp của Cảng Đà Nẵng		Mối quan hệ
			Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %	
1	CTCP Logistics Cảng Đà Nẵng	Số 45 Yết Kiêu, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	19.907,66	45,00	Công ty liên kết
2	CTCP Tàu lai Cảng Đà Nẵng	Số 02 đường 3/2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	10.182,15	36,00	Công ty liên kết

Qua báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên kết tiếp tục diễn biến thuận lợi, đạt kế hoạch lợi nhuận đề ra.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính năm 2018.

a) Tình hình tài chính

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	1.286.838.554.222	1.626.403.365.267	26
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	601.116.436.666	694.741.517.124	16
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	156.912.422.026	182.145.612.409	16
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	5.231.878.301	1.239.145.356	(76)
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	162.144.300.327	183.384.757.765	13
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	131.566.308.092	147.484.206.758	12
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	55,18%	46,99%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks:*

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	2,17	2,38	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <i>Short term Debt</i>	2,13	2,33	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,28	0,25	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0,38	0,33	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	45,03	49,19	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	0,52	0,43	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,22	0,21	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,16	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,11	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,26	0,26	

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 và năm 2018)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a.Cổ phần: Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng hiện có 99.000.000 cổ phần phổ thông đang lưu hành, trong đó có 583.300 cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo Điều lệ của công ty

b.Cơ cấu cổ đông:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	LOẠI CP	SL CP SỞ HỮU	Tỷ lệ (%)
01	Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội	Phổ thông		75,00%
02	Lâm Thị Mai	24 Trần Quốc Thảo, phường 6, quận 3, TP Hồ Chí Minh	Phổ thông		5,91%
03	Vũ Văn Hải	Số 49, đường 15, KP1, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	Phổ thông		5,76%
04	Các cổ đông nhỏ, lẻ		Phổ thông		13,33%

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	613	99.000.000	990.000.000.000	100%
	Cá nhân	608	23.124.070	231.240.700.000	23,35%
	Tổ chức	5	74.876.300	748.763.000.000	75,63%
2	Cổ đông ngoài nước	16			
	Cá nhân	11	163.550	1.635.500.000	0,16%
	Tổ chức	5	836.080	8.360.800.000	0,86%
	Tổng cộng				

*Theo danh sách cổ đông chốt ngày 03/01/2019 của VSD cung cấp

c.Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d.Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch

e.Các chứng khoán khác: Không có giao dịch

6.Tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tiêu thụ năng lượng

- Dầu diesel: 828.410,28 lít.

- Điện: Chi phí 8.480.276.860 đồng (không bao gồm VAT)

Tiêu thụ nước

- Nước tiêu thụ: Chi phí 1.252.404.697 đồng (không bao gồm VAT)

Tuân thủ luật pháp bảo vệ môi trường

- Trong năm vừa rồi, công ty có vi phạm do không tuân thủ các quy định về môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng người lao động: 653 người, mức lương bình quân: 21 triệu đồng/người/năm.

- Công ty áp dụng luật lao động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam dành cho người lao động tại công ty. Ngoài ra, công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe, các chính sách về tái tạo sức lao động, hỗ trợ người lao động ăn giữa ca, đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động...

- Đào tạo:

Trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng đã phối hợp trực tiếp với các đơn vị đào tạo uy tín như Crestcom Việt Nam, PACE, VCCI... tổ chức nhiều khóa đào tạo do các Giảng viên có uy tín và kinh nghiệm giảng dạy. Các khóa đào tạo này đã tập trung vào những vấn đề cụ thể, cần thiết như Giám đốc điều hành, Giám đốc nhân sự, Giám đốc sản xuất, Giám đốc Tài chính, Quản trị bản thân, Văn hoá doanh nghiệp... nâng cao kỹ năng lãnh đạo.

Đối với lực lượng công nhân viên kỹ thuật, Cảng Đà Nẵng đã lên kế hoạch đào tạo, trong đó có các chương trình đào tạo dành riêng cho khối kỹ thuật để từng bước tiếp cận với công nghệ hiện đại, Cảng Đà Nẵng đã phối hợp với Công ty đào tạo Tân Cảng (Tân Cảng STC) để nghiên cứu và triển khai các chương trình đào tạo phù hợp với thực tế và nhu cầu phát triển của Cảng, làm chủ được các công nghệ, thiết bị, phương tiện hiện đại.

Song song với đào tạo trong nước, trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng cũng cử nhiều lượt cán bộ tham gia các Hội thảo tại nước ngoài như Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Brunei... nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Trách nhiệm liên quan đến cộng đồng địa phương

Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương, trong năm 2018 Cảng Đà Nẵng đã ủng hộ 6 nhà tình thương cho 3 quận thuộc thành phố Đà Nẵng là quận Hải Châu, quận Sơn Trà, quận Ngũ Hành Sơn với tổng giá trị là 360.000.000 đồng; tổ chức tặng 35 chiếc xe đạp, 30 thẻ BHYT cho các em học giỏi vượt khó có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, Cảng Đà Nẵng đã tham gia cùng Công đoàn Tổng công ty HHVN tổ chức viếng hương các nghĩa trang khu vực Quảng Trị như Nghĩa trang Trường Sơn, Nghĩa trang đường 9, Nghĩa trang Khe Xanh, tổ chức cho lãnh đạo Cảng đi thắp hương tại các nghĩa trang thuộc Quảng Nam và Đà Nẵng. Cũng trong dịp này, với tinh thần uống nước, nhớ nguồn, Cảng Đà Nẵng đã phối hợp với Trung tâm Văn hóa TP Đà Nẵng tổ chức Chương trình văn nghệ “Uống nước nhớ nguồn”, đồng thời thăm hỏi, tặng quà (tivi 49 inch, sữa) để tại phòng sinh hoạt chung cho các cụ già được phụng dưỡng tại Trung tâm nuôi dưỡng người có công Đà Nẵng. Hàng tháng, Cảng Đà Nẵng tổ chức chương trình “Cơm Yêu thương” đến các bệnh nhân tại Bệnh viện Lao phổi và Tâm thần Đà Nẵng.

Hoạt động thị trường vốn xanh

III. Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2018	TH 2018	So sánh TH/KH 2017
1	Sản lượng thông qua	Tấn	8.819.000	8.650.000	98,08%
	<i>Trong đó: Container</i>	<i>Teus</i>	<i>375.000</i>	<i>370.017</i>	<i>98,67%</i>
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	682.000	718.090	105,27%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	178.200	183.384	102,91%

- Năm 2018, sản lượng thông qua Cảng Đà Nẵng đạt 8,65 triệu tấn hàng hoá đạt 98,08% so với kế hoạch đề ra cho năm 2018 (8,819 triệu tấn) và tăng 7,88% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, container đạt 370.017 Teus, đạt 98,67% so với kế hoạch 2018 và tăng 6,02% so với cùng kỳ năm 2017.

- Doanh thu thực hiện năm 2018 đạt trên 718,090 tỷ đồng, tăng 15,80% so với thực hiện năm 2017 và tăng 5,27% so với kế hoạch năm 2018 đã đề ra.

- Lợi nhuận thực hiện năm 2018 đạt 183,384 tỷ đồng tăng 12,96% so với thực hiện năm 2017, tăng 2,91% so với kế hoạch năm 2017.

- Lượt tàu khách du lịch qua cảng là 106 lượt tàu, tăng 30,86 % so với 2017, với 199.491 lượt khách du lịch, tăng 34,98% so với cùng kỳ năm 2017.

Năm qua đã có những khó khăn liên quan đến vận tải đường biển Việt Nam và thế giới, nhưng Cảng Đà Nẵng vẫn có sự tăng trưởng tích cực. Sản lượng qua Cảng Đà Nẵng chỉ đạt 98,08 % so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, Container đạt 106,02 % so với cùng kỳ năm 2017.

Năm 2018, Cảng Đà Nẵng đã có nhiều nỗ lực cùng với định hướng đúng đắn vào các dịch vụ cảng biển theo hướng tàu container, tàu du lịch và tàu trọng tải lớn, đem lại những kết quả đáng khích lệ, là tiền đề cho hoạt động và sự phát triển của toàn công ty trong những năm tiếp theo.

Công tác chuẩn bị đầu tư đã triển khai được nhiều dự án lớn quan trọng, trong đó là Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng Tiên Sa giai đoạn II đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng 07/2018.

Cảng Đà Nẵng có nhiều chính sách hướng về người lao động.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tài sản hữu hình:

ĐVT: Triệu VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	616.108	559.337	94.855	10.414	1.818	1.282.531
Tăng trong năm	-	562	1.792	1.054	-	3.408
Chuyển từ XD CBDD	514.503	226.766	-	182	-	741.451
Số dư cuối năm	1.130.611	786.665	96.646	11.650	1.818	2.027.391
Hao mòn lũy kế						

Số dư đầu năm	438.492	347.237	92.474	10.094	1.769	890.066
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>57.875</i>	<i>62.872</i>	<i>2.113</i>	<i>373</i>	<i>18</i>	<i>123.252</i>
Số dư cuối năm	496.367	410.109	94.587	10.467	1.787	1.013.318
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	177.617	212.100	2.380	320	48	392.465
Số dư cuối năm	634.244	376.556	2.059	1.182	31	1.014.072

Tài sản vô hình

ĐVT: triệu VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	100.560	2.723	103.283
<i>Mua trong năm</i>	-	<i>269</i>	<i>269</i>
Số dư cuối năm	100.560	2.992	103.552
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.723	2.723
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	<i>36</i>	<i>36</i>
Số dư cuối năm	-	2.759	2.759
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	100.560	-	100.560
Số dư cuối năm	100.560	233	100.793

b. Tình hình nợ phải trả

Phải trả người bán ngắn hạn:

ĐVT: VND

	31/12/2017	31/12/2018
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	54.408.034.794	56.614.078.218
Công ty CP Xây Dựng Công Trình Thủy Hà Nội	27.248.504.570	18.041.827.094
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Huỳnh Thy	19.883.524.416	52.800.000
Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	7.523.020.534	7.526.732.643
Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	2.226.238.685	3.575.753.731
Phải trả nhà cung cấp khác	6.033.592.931	10.153.681.572
Cộng	117.322.915.930	95.964.873.258

Phải trả, phải nộp ngân sách nhà nước:

ĐVT: VND

	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp và khấu trừ trong năm	Số dư cuối năm
Thuế GTGT	-	68.500.684.372	(68.500.684.372)	-
Thuế TNDN	2.961.864.918	36.505.358.022	(32.172.776.147)	7.294.446.793
Thuế TNCN	2.726.129.152	8.292.876.844	(8.802.011.156)	2.216.994.840
Tiền thuê đất	-	5.712.853.036	(3.948.825.376)	1.764.027.660
Các loại thuế khác	-	2.003.330.903	(1.835.013.111)	168.317.792

Cộng	5.687.994.070	121.015.103.177	(115.259.310.162)	11.443.787.085
-------------	---------------	-----------------	-------------------	----------------

Phải trả ngắn hạn khác:

ĐVT: VND

	31/12/2017	31/12/2018
Tiền hỗ trợ tháo dỡ, di dời	1.597.938.600	1.597.938.600
Hỗ trợ ngừng sản xuất cho người lao động	382.427.460	382.427.460
Kinh phí công đoàn	996.328.777	505.132.741
Cổ tức phải trả	24.750.277.082	19.800.277.082
Phải trả khác	534.719.049	864.382.176
Cộng	28.261.690.968	23.150.158.059

Các khoản vay:

ĐVT: VND

	31/12/2017	31/12/2018
Vay ngắn hạn	11.886.338.986	12.383.328.770
Ngân hàng PT VN - CN Đà Nẵng (JPY)	11.886.338.986	12.383.328.770
Ngân hàng PT VN - CN Đà Nẵng (VND)	-	-
Vay dài hạn	182.270.019.931	199.533.315.078
Ngân hàng PT VN - CN Đà Nẵng (JPY)	59.431.694.931	49.553.315.078
Quỹ Đầu tư Phát triển - TP Đà Nẵng (VND)	122.838.325.000	150.000.000.000
Cộng	194.156.358.917	211.916.643.848

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1 Công tác triển khai đánh giá công việc theo KPI

Cảng Đà Nẵng đã áp dụng và tăng cường công tác quản lý Công ty theo hướng quản trị hiện đại, tất cả các phòng, ban, đơn vị đều được giao mục tiêu, nhiệm vụ (MBO) và các đơn vị quản trị cấp 2 đều giao mục tiêu, nhiệm vụ cho cấp dưới theo quản trị tiến trình (MBP). Các cấp quản trị đều căn cứ vào tiêu chí SMART để thực hiện tiến trình P-D-C-A, với việc cải tiến công tác quản trị góp phần làm tăng hiệu quả kinh doanh và chất lượng dịch vụ.

Trong năm vừa qua, Cảng Đà Nẵng tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành đào tạo, hướng dẫn các đơn vị phòng ban tổ chức đánh giá hiệu quả công việc theo KPI. Đến thời điểm hiện tại, các đơn vị đã nắm rõ được phương pháp triển khai và dần áp dụng cho đơn vị mình và áp dụng cụ thể cho từng cá nhân trong đơn vị.

Nhằm cải tiến hiệu quả áp dụng KPI tại các đơn vị, Cảng Đà Nẵng đã tiến hành xây dựng công cụ đánh giá KPI online thông qua nền tảng công nghệ đám mây của Google. Công cụ này

đã giúp đơn giản hóa công tác đánh giá hiệu quả công việc thông qua KPI, tạo môi trường thuận lợi cho việc triển khai KPI cho toàn đơn vị.

Bên cạnh hệ thống đánh giá theo KPI, để có đầy đủ thông tin đánh giá toàn diện nhân sự, Cảng Đà Nẵng đã triển khai công tác đánh giá 360 theo phương thức đánh giá online, xây dựng bộ tiêu chí mới phù hợp với thực tiễn và tình hình hiện tại, giúp đánh giá đúng và khách quan năng lực của các bộ công nhân viên, phục vụ đắc lực cho công tác hoạch định nguồn nhân lực.

3.2 Công tác xây dựng văn hoá doanh nghiệp

Một trong những nét nổi bật trong năm qua là việc Cảng Đà Nẵng đã từng bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Cảng Đà Nẵng đã phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai các khóa đào tạo cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đưa ra được slogan, tuyên bố viễn cảnh, sứ mệnh và giá trị của công ty.

Sau khi hoàn thành các tuyên bố viễn cảnh, sứ mệnh, giá trị, Cảng Đà Nẵng đang tiếp tục hoàn thiện bảng tuyên bố COC (The Code Of Conduct-Quy tắc ứng xử) tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng và nhanh chóng ban hành. Văn hoá Công ty được thực hiện đã thay đổi thái độ nhân viên và làm tăng năng suất lao động của Công ty.

3.3 Công tác tuyển dụng và đào tạo

Công tác tuyển dụng:

Trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng đã tuyển dụng được 27 CBNCV, tập trung bổ sung nguồn nhân lực cho Xí nghiệp Cảng Tiên Sa để hoàn thành kế hoạch sản xuất đã đặt ra, tất cả CBCNV được tuyển dụng đều qua thi tuyển và chất lượng nhân viên tuyển mộ tốt.

Phân đào tạo:

Trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng đã phối hợp trực tiếp với các đơn vị đào tạo uy tín như Crestcom Việt Nam, PACE, VCCI... tổ chức nhiều khóa đào tạo do các Giảng viên có uy tín và kinh nghiệm giảng dạy. Các khóa đào tạo này đã tập trung vào những vấn đề cụ thể, cần thiết như Giám đốc điều hành, Giám đốc nhân sự, Giám đốc sản xuất, Giám đốc Tài chính, Quản trị bản thân, Văn hoá doanh nghiệp... nâng cao kỹ năng lãnh đạo.

Đối với lực lượng công nhân viên kỹ thuật, Cảng Đà Nẵng đã lên kế hoạch đào tạo, trong đó có các chương trình đào tạo dành riêng cho khối kỹ thuật để từng bước tiếp cận với công nghệ hiện đại, Cảng Đà Nẵng đã phối hợp với Công ty đào tạo Tân Cảng (Tân Cảng STC) để nghiên cứu và triển khai các chương trình đào tạo phù hợp với thực tế và nhu cầu phát triển của Cảng, làm chủ được các công nghệ, thiết bị, phương tiện hiện đại.

Song song với đào tạo trong nước, trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng cũng cử nhiều lượt cán bộ tham gia các Hội thảo tại nước ngoài như Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Brunei... nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

3.4 Công tác chăm lo đời sống cho người lao động

Trong năm 2018, Cảng Đà Nẵng đã tổ chức cho cán bộ công nhân viên Cảng đi nghỉ mát tại Tp Hội An và thành phố Đà Nẵng. Cảng Đà Nẵng tiếp tục duy trì công tác chăm lo cho đời

sống tinh thần của người lao động, giúp người lao động có thời gian nghỉ ngơi, phục hồi năng lượng để tiếp tục công hiến lao động sản xuất. Cảng Đà Nẵng cũng đã tổ chức lại bữa ăn, nâng cấp bếp ăn tại XN Cảng Tiên Sa, đảm bảo được đời sống cho người lao động.

Hàng năm, các cán bộ có công hiến, đóng góp cho Cảng Đà Nẵng đều được tham gia các chương trình du lịch tại nước ngoài giúp nâng cao sự gắn kết và tạo tinh thần phấn chấn, duy trì và nâng cao sự hiệu quả và tận tâm của người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động Marketing, xây dựng và quảng bá thương hiệu Cảng Đà Nẵng với các hãng tàu quốc tế, các khách hàng lớn. Triển khai tìm kiếm khách hàng ở các thị trường tiềm năng: Bắc Tây Nguyên, Huế, Quảng Bình, Quảng Trị và các thị trường ở Hành Lang Kinh Tế Đông Tây 1, 2...

Xây dựng hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng, xây dựng hoàn thiện Bộ nhận diện thương hiệu của Cảng Đà Nẵng, cải tạo website. Phát triển hệ thống đại lý, liên kết với các depot, trung tâm logistics...Liên kết hợp tác với các hãng tàu, công ty logistics, kêu gọi các đối tác cùng hợp tác thực hiện các dự án của Cảng.

Tiếp tục đẩy mạnh khai thác theo 3 thế mạnh của cảng đang thực hiện: tàu container, tàu tải trọng lớn và tàu du lịch. Xây dựng các giải pháp đáp ứng toàn diện nhu cầu khách hàng, hoàn thiện các dịch vụ trong chuỗi cung ứng và xây dựng các giải pháp logistics tạo các giá trị gia tăng hướng tới các khách hàng mục tiêu.

Đầu tư phương tiện thiết bị, cơ sở hạ tầng nâng cao năng lực xếp dỡ hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019 và các năm tiếp theo. Phát triển hệ thống depot container ngoài cảng Tiên Sa nhằm giảm tải lưu thông trên đường Ngô Quyền.

4.2 Kế hoạch nâng cao năng lực quản trị

Trong năm 2019, Cảng Đà Nẵng tập trung vào việc xây dựng mô hình bộ máy điều hành công ty, sắp xếp lại một số phòng ban chức năng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, giảm bớt cấp lãnh đạo trung gian. Công tác luân chuyển cán bộ được thực hiện định kỳ, thường xuyên nhằm hoàn chỉnh hệ thống, đồng thời kiểm tra, đánh giá chéo, tìm kiếm và phát hiện lãnh đạo tiềm năng tại chỗ. Việc luân chuyển chú trọng vào hiện trường, đảm bảo tất cả vị trí quản lý cấp 2 đều đã làm việc tại các vị trí khác nhau ở hiện trường sản xuất.

Rà soát, hoàn thành các quy chế, quy trình thủ tục nhằm tăng tính hiệu quả khi điều hành, rút ngắn thời gian ra quyết định của các cấp lãnh đạo, cắt giảm thời lượng và số lượng các cuộc họp, tăng thời gian điều hành.

Xây dựng hoàn thiện KPI đến từng nhân viên của cảng, hướng đến trả lương dựa trên KPI. Phổ biến bộ quy tắc ứng xử văn hoá doanh nghiệp (COC) đến từng CBCNV và thực hiện đúng như tinh thần mà bộ quy tắc ứng xử đã đề ra.

Chuẩn hoá các quy trình vận hành sản xuất: Quy trình đấu thầu, Quy trình mua sắm, Quy trình khai thác, ... hàng năm khuyến khích công tác cải tiến theo hướng hiện đại nhằm tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian, chi phí.

Nâng cao hiệu quả của kiểm soát nội bộ: Chuẩn hoá các quy trình, thủ tục về kiểm soát kinh doanh, kiểm soát rủi ro. Tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các hoạt động

4.3 Kế hoạch đầu tư năm 2019

Trong năm 2019, tổng mức đầu tư dự kiến là 146,883 tỷ đồng. Trong đó, xây dựng cơ bản là 63,960 tỷ đồng, phương tiện thiết bị 65,831 tỷ đồng, đầu tư cho CNTT 12,210 tỷ đồng và dự phòng cho các hạn mục phát sinh 5 tỷ đồng. Các dự án trọng điểm trong năm 2019: Dự án sửa chữa cải tạo cầu cảng 2 số 2 bến cảng Tiên Sa; Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo khu bãi cảng Tiên Sa; Dự án đầu tư 01 xe nâng chụp container chuyên dụng; Dự án đầu tư 06 xe đầu kéo và 06 rơ mooc chuyên dụng.

IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018 là năm Cảng Đà Nẵng tiếp tục theo đuổi mục tiêu tăng trưởng bền vững và những kết quả đạt được tương đối khả quan.

Về kết quả kinh doanh, Cảng Đà Nẵng tiếp tục có sự tăng trưởng tốt: Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng năm 2018 đạt 8.651.236 triệu Tấn, tăng 7,8% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng hàng container năm 2018 đạt: 370.017 TEUs, tăng 6% so cùng kỳ năm 2017.

Tổng doanh thu năm 2018 đạt 718,09 tỷ đồng, đạt 105% so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2018 đã thông qua là 682 tỷ đồng.

Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 694,74 tỷ đồng, đạt 105% so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2018 đã thông qua là 660 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 183,38 tỷ đồng, đạt 102% so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông công ty năm 2018 đã thông qua là 178,2 tỷ đồng.

Cổ tức năm 2018 kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua là: 11%/năm.

Nộp ngân sách đạt 67,721 tỷ đồng tăng 35% so với năm 2017

Kết quả về công tác đầu tư: Tổng mức đầu tư đã giải ngân trong năm 2018 là 260 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư cho xây dựng cơ bản là 69 tỷ đồng, đầu tư cho phương tiện thiết bị là 191 tỷ đồng vẫn chủ yếu tập trung vào Dự án Nâng cấp, mở rộng cảng Tiên Sa (Giai đoạn 2).

Các dự án khác triển khai trong năm 2018 bao gồm: Dự án nâng cấp các hạng mục Công nghệ thông tin, Dự án đầu tư Hệ băng chuyền tải dăm, Dự án đầu tư 04 đầu kéo và 03 rơ mooc. Không có nợ đọng vốn đầu tư và không lãng phí, thất thoát vốn đầu tư.

Thu nhập bình quân người lao động đảm bảo ổn định.

Thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng

2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2018, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực để đạt nhiều kết quả tốt trong sản xuất kinh doanh. Ban điều hành cũng đã tuân thủ các quy định về quản trị, điều hành, bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao, cụ thể:

Ban điều hành đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của thị trường, Ban điều hành đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài

liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Tổng giám đốc đã chủ động trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng kinh doanh khai thác cảng.

3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

- Sản lượng : 9.150.000 Tấn.
- Sản lượng container: 400.000 Teus.
- Doanh thu : 740,250 tỷ đồng.
- Lợi nhuận : 210 tỷ đồng.
- Cổ tức : 13%.
- Kế hoạch đầu tư năm 2019: 162,883 tỷ

Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ ĐHCĐ giao năm 2019 như sau:

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động Marketing, xây dựng và quảng bá thương hiệu Cảng Đà Nẵng, hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng đồng thời đầu tư phương tiện thiết bị, cơ sở hạ tầng, đầu tư nền tảng CNTT chung để đáp ứng yêu cầu toàn hệ thống cảng, nâng cao năng lực xếp dỡ, tăng năng suất, hiệu quả lao động cùng chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019

Xây dựng, hoàn thiện, cải tiến cơ chế vận hành, quản trị toàn cảng để tạo chủ động tăng trách nhiệm, phát huy năng lực các cấp điều hành để đẩy mạnh kinh doanh và tăng cạnh tranh.

Tinh gọn bộ máy điều hành, sắp xếp lại mô hình quản lý theo hướng hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động trong toàn cảng. Triển khai kế hoạch tổng thể đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển cảng năm 2019 và những năm tiếp theo.

Tăng cường các hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động để phát triển bền vững, đáp ứng quy định về sản xuất cũng như an ninh khai thác cảng biển.

Hoàn thiện KPI đến từng nhân viên của cảng, hướng đến trả lương dựa trên KPI. Thực hiện đúng tinh thần bộ quy tắc ứng xử văn hoá doanh nghiệp (COC) đã đề ra.

Rà soát, xây dựng và ban hành các quy chế nội bộ doanh nghiệp để chuẩn hoá các quy trình vận hành sản xuất; khuyến khích công tác cải tiến theo hướng hiện đại nhằm tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian, chi phí.

V.Quản trị công ty

1.Hội đồng quản trị

a.Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

<i>TT</i>	<i>Thành viên HĐQT</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày không còn là thành viên</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu cổ phần</i>	<i>Lý do</i>
1	Trần Lê Tuấn	CT HĐQT		15%	

2	Nguyễn Hữu Sĩa	UV HĐQT		12%	
3	Lê Quảng Đức	UV HĐQT		12%	
4	Phan Bảo Lộc	UV HĐQT		12%	
5	Lương Đình Minh	UV HĐQT		12%	
6	Trần Tuấn Hải	UV HĐQT		12%	

b.Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c.Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, HĐQT với 06 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần.

HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm, HĐQT đã chấp hành và triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên đã đạt được kết quả tốt.

Về thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: HĐQT đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông gồm:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm và triển khai thực hiện phương hướng hoạt động năm kế tiếp;
- Chi cổ tức cho cổ đông và tạm ứng cổ tức hàng năm kịp thời;
- Phát hành tăng vốn điều lệ;
- Lựa chọn Công ty Kiểm toán có kinh nghiệm và năng lực để chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị :

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp nhằm đi đúng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và giải quyết các trường hợp phát sinh cần phải thông qua Hội đồng quản trị.
- Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập đầy đủ, hồ sơ tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước khi họp.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Về chỉ đạo hoạt động của Công ty:

- HĐQT Công ty đã tập trung mọi nỗ lực để thúc đẩy các giải pháp, tăng cường quản trị, giám sát điều hành để bảo đảm Công ty hoạt động ổn định;
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu, hoàn thành tốt các chức năng chỉ đạo, quản lý, giám sát theo quy định. HĐQT đã có sự nhất trí cao khi thông qua các Nghị quyết, biên bản cuộc họp để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị: tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh. Từ cơ sở này Hội đồng quản trị có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh.

d.Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e.Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

f.Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2.Ban Kiểm soát

a.Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	HĐQT	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	CP nắm giữ, đại diện	Tỷ lệ
1	Phan Thị Nhị Hà	Trưởng ban	12/4/2017	0	
2	Lê Duy Dương	Thành viên	24/7/2014	0	
3	Trần thị Kim Oanh	Thành viên	14/4/2017	0	

b.Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các nội quy, qui chế của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng; Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty trên các khía cạnh trọng yếu như sau:

- Tham gia, đóng góp ý kiến đầy đủ tại các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty.
- Kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, qui định, văn bản của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.
- Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành; Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo tài chính năm 2018 trước và sau kiểm toán, kịp thời tư vấn cũng như góp ý khi phát hiện sai sót hoặc tiềm ẩn rủi ro.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban, lập kế hoạch kiểm tra giám sát trong năm và đã tiến hành kiểm tra giám sát với các đợt cụ thể như sau:

+ Đợt 1 kiểm soát từ ngày 27 đến hết ngày 29/8/2018: Kiểm tra, giám sát hoạt động Cảng 06 tháng đầu năm 2018

+ Đợt 2 kiểm soát từ ngày 30/10 đến hết ngày 01/11/2018: Kiểm tra, giám sát hoạt động Cảng 09 tháng đầu năm 2018.

+ Đợt 3 kiểm soát từ ngày 18/03/2019 đến hết ngày 21/03/2019: Kiểm tra, giám sát hoạt động của Cảng cả năm 2018."

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao/tháng
1	Nguyễn Hữu Sia	Thành viên	4.500.000
2	Lê Quảng Đức	Thành viên	4.500.000
3	Phan Bảo Lộc	Thành viên	4.500.000
4	Lương Đình Minh	Thành viên	4.500.000
5	Trần Tuấn Hải	Thành viên	4.500.000
6	Phan Thị Nhị Hà	Trưởng ban KS	4.500.000
7	Lê Duy Dương	Thành viên	3.000.000
8	Trần thị Kim Oanh	Thành viên	3.000.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã ban hành Quy chế quản trị công ty theo hướng dẫn thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến kiểm toán của Công ty kiểm toán KPMG, báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đính kèm tài liệu và đã được đăng trên trang thông tin điện tử của công ty là danangport.com theo quy định.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật



Trần Lê Tuấn



Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101972

ngày 14 tháng 2 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh 6 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101972 ngày 14 tháng 2 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Lê Tuấn
Ông Lê Quảng Đức
Ông Phan Bảo Lộc
Ông Lương Đình Minh
Ông Trần Tuấn Hải
Ông Nguyễn Hữu Sia

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (*đến ngày 1/2/2019*)

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Nhị Hà
Ông Lê Duy Dương
Bà Trần Thị Kiều Oanh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Lê Tuấn
Ông Nguyễn Hữu Sia
Ông Lê Quảng Đức
Ông Dương Đức Xuân

Quyền Tổng Giám đốc
(*từ ngày 2/2/2019*)
Tổng Giám đốc
(*đến ngày 1/2/2019*)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

26 Bạch Đằng, Phường Thạch Thang
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Lê Tuấn
Trần Lê Tuấn
Quyền Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00133-19-1



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		473.510.432.353	298.846.610.264
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	138.034.815.704	140.951.996.201
Tiền	111		4.604.364.983	7.912.625.354
Các khoản tương đương tiền	112		133.430.450.721	133.039.370.847
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		179.760.217.808	1.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	179.760.217.808	1.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.310.360.889	103.294.085.577
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	90.630.649.632	69.115.769.586
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.009.978.098	33.112.019.425
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.020.183.041	2.266.846.628
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.350.449.882)	(1.200.550.062)
Hàng tồn kho	140	10	9.182.867.075	9.540.430.753
Hàng tồn kho	141		9.182.867.075	9.540.430.753
Tài sản ngắn hạn khác	150		49.222.170.877	43.860.097.733
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	1.352.831.895	1.398.406.511
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.869.338.982	42.461.691.222

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.152.892.932.914	987.991.943.958
Tài sản cố định	220		1.114.865.152.013	493.025.283.111
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.014.072.373.485	392.465.112.124
Nguyên giá	222		2.027.390.537.686	1.282.531.144.077
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.013.318.164.201)	(890.066.031.953)
Tài sản cố định vô hình	227	12	100.792.778.528	100.560.170.987
Nguyên giá	228		103.551.770.987	103.283.070.987
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.758.992.459)	(2.722.900.000)
Bất động sản đầu tư	230	13	131.950.009	137.750.005
Nguyên giá	231		145.000.000	145.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.049.991)	(7.249.995)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.798.207.662	462.489.573.464
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	5.798.207.662	462.489.573.464
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	31.911.510.949	32.052.445.149
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		30.089.813.149	30.089.813.149
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.764.334.000	3.764.334.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.942.636.200)	(1.801.702.000)
Tài sản dài hạn khác	260		186.112.281	286.892.229
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	75.304.281	176.084.229
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		110.808.000	110.808.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.626.403.365.267	1.286.838.554.222

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

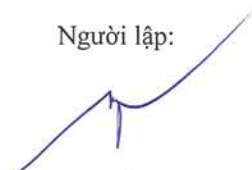
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		401.876.648.118	416.487.606.006
Nợ ngắn hạn	310		199.175.294.866	230.972.507.951
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	95.964.873.258	117.322.915.930
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	5.445.986.705	11.393.012.016
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	11.443.787.085	5.687.994.070
Phải trả người lao động	314		36.227.093.121	42.936.477.310
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.516.952.820	1.132.621.017
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.500.000	29.113.637
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	23.150.158.059	28.261.690.969
Vay dài hạn đến hạn trả	320	21	12.383.328.770	11.886.338.986
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	13.024.615.048	12.322.344.016
Nợ dài hạn	330		202.701.353.252	185.515.098.055
Vay dài hạn	338	21	199.533.315.078	182.270.019.931
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	3.168.038.174	3.245.078.124
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.224.526.717.149	870.350.948.216
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.224.526.717.149	870.350.948.216
Vốn cổ phần	411	25	990.000.000.000	660.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		990.000.000.000	660.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(215.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	157.162.317.406	112.277.977.776
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.579.399.743	98.072.970.440
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		77.579.399.743	98.072.970.440
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.626.403.365.267	1.286.838.554.222

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Ngô Quốc Văn
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Ngọc Tâm
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán


 Trần Lê Tuấn
 Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

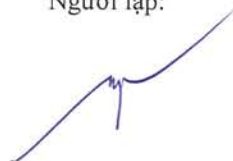
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	695.674.254.294	601.447.223.364
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	932.737.170	330.786.698
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	694.741.517.124	601.116.436.666
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	460.504.519.525	387.222.357.676
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		234.236.997.599	213.894.078.990
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	21.665.716.098	13.149.899.015
Chi phí tài chính	22	32	17.490.061.145	7.408.164.037
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.916.484.149	1.932.055.489
Chi phí bán hàng	25		3.049.403.916	2.643.020.890
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	53.217.636.227	60.080.371.052
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		182.145.612.409	156.912.422.026
Thu nhập khác	31	34	1.684.347.557	6.362.525.501
Chi phí khác	32		445.202.201	1.130.647.200
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.239.145.356	5.231.878.301
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		183.384.757.765	162.144.300.327
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	35.900.551.007	30.577.992.235
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		147.484.206.758	131.566.308.092
			(Đã điều chỉnh lại)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.624	1.627

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Ngô Quốc Văn
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Tâm
Trưởng phòng Tài chính Kế toán




Trần Lê Tuấn
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		183.384.757.765	162.144.300.327
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		123.294.024.703	103.577.743.999
Các khoản dự phòng	03		290.834.020	(2.390.827.060)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.704.002.184	3.964.599.407
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(18.968.166.230)	(16.404.793.468)
Chi phí lãi vay	06		13.916.484.149	1.932.055.489
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		304.621.936.591	252.823.078.694
Biến động các khoản phải thu	09		(29.378.204.515)	15.387.255.774
Biến động hàng tồn kho	10		357.563.678	(613.991.587)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.932.029.111)	(38.773.767.771)
Biến động chi phí trả trước	12		146.354.564	(150.111.224)
			269.815.621.207	228.672.463.886
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.532.152.346)	(1.390.615.389)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.172.776.147)	(36.227.126.069)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.963.399.728)	(17.800.229.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		211.147.292.986	173.254.492.573
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(282.302.066.850)	(505.508.550.928)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	4.235.863.637
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(334.760.217.808)	(73.401.722.717)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		156.200.000.000	182.193.647.161
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(3.239.870.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		15.590.594.030	15.333.112.846
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(445.271.690.628)	(380.387.520.001)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

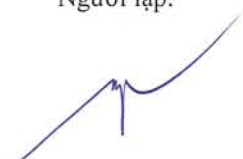
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		329.785.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		116.161.675.000	122.838.325.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(100.886.338.986)	(14.127.651.887)
Tiền trả cổ tức	36		(113.850.000.000)	(41.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		231.210.336.014	67.460.673.113
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.914.061.628)	(139.672.354.315)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		140.951.996.201	280.624.734.208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.118.869)	(383.692)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	138.034.815.704	140.951.996.201

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Ngô Quốc Văn
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Ngọc Tâm
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán


 Trần Lê Tuấn
 Quyền Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên sang công ty cổ phần theo Quyết định số 216/QĐ-HHVN ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động đăng ký của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ bốc xếp hàng hóa, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ vận tải khác, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí, bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh và các dịch vụ khác.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ bốc xếp hàng hóa, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ vận tải khác, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 653 nhân viên (1/1/2018: 645 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	4 năm

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 25 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và tương đối chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng. Do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc xác định rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong hai lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ cảng, bến cảng và bán xăng dầu tại một vùng địa lý chính là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cung cấp dịch vụ cảng, bến cảng;
- Buôn bán xăng dầu.

	Cung cấp dịch vụ cảng, bến cảng		Buôn bán xăng dầu		Tổng cộng	
	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	684.569.906.966	601.447.223.364	11.104.347.328	-	695.674.254.294	601.447.223.364
Kết quả kinh doanh của bộ phận	233.282.102.342	213.894.078.990	954.895.257	-	234.236.997.599	213.894.078.990
Chi phí không phân bổ					52.091.385.190	56.981.656.964
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					182.145.612.409	156.912.422.026
Thu nhập khác					1.684.347.557	6.362.525.501
Chi phí khác					445.202.201	1.130.647.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp					35.900.551.007	30.577.992.235
Lợi nhuận thuần sau thuế					147.484.206.758	131.566.308.092

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Cung cấp dịch vụ cảng, bến cảng		Buôn bán xăng dầu		Tổng cộng	
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	1.626.308.077.245	1.286.838.554.222	-	-	1.626.308.077.245	1.286.838.554.222
Tổng nợ phải trả không phân bổ					401.876.648.118	416.487.606.006
Chi tiêu vốn						
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	282.302.066.850	505.508.550.928	-	-	282.302.066.850	505.508.550.928
Khấu hao tài sản cố định vô hình	123.252.132.248	103.430.032.886	-	-	123.252.132.248	103.430.032.886
Khấu hao bất động sản đầu tư	36.092.459	141.911.117	-	-	36.092.459	141.911.117
	5.799.996	5.799.996	-	-	5.799.996	5.799.996

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	190.707.258	192.708.305
Tiền gửi ngân hàng	4.413.657.725	7.719.917.049
Các khoản tương đương tiền	133.430.450.721	133.039.370.847
	138.034.815.704	140.951.996.201

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	179.760.217.808	183.255.017.508	1.200.000.000	1.254.383.333

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5,1% đến 6,5% một năm (2017: 6,5% một năm).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2018 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở một ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2018.

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018				1/1/2018						
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty liên kết											
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng (**)	Đà Nẵng, Việt Nam	1.943.924	45%	19.907.661.902	-	22.743.910.800	1.943.924	45%	19.907.661.902	-	28.186.898.000
• Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng (***)	Đà Nẵng, Việt Nam	1.089.000	36%	10.182.151.247	-	(*)	990.000	36%	10.182.151.247	-	(*)
				30.089.813.149	-				30.089.813.149	-	
Đơn vị khác:											
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	200.000	1,41%	2.000.000.000	(982.636.200)	(*)	200.000	1,41%	2.000.000.000	(800.000.000)	(*)
• Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	190.658	0,02%	1.764.334.000	(960.000.000)	(*)	190.658	0,02%	1.764.334.000	(1.001.702.000)	(*)
				3.764.334.000	(1.942.636.200)				3.764.334.000	(1.801.702.000)	
				33.854.147.149	(1.942.636.200)				33.854.147.149	(1.801.702.000)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này được xác định dựa vào giá giao dịch của cổ phiếu trên sàn giao dịch UpCOM tại ngày báo cáo.

(***) Trong năm Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng trả cổ tức bằng cổ phiếu tương đương với 10% số cổ phiếu đang nắm giữ.

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và các bên liên quan**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	5.043.522.167	2.867.340.842
Công ty Vận tải biển Container Vinalines	1.461.935.026	2.711.999.586
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Đà Nẵng	766.102.806	393.955.020
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Wanhai Lines	6.504.891.975	5.383.268.173
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	5.348.407.100	6.184.251.543
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng hải Thiên Ý	4.657.423.126	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển VINAFCO	3.781.856.067	3.277.663.015
Công ty TNHH SITC Container Lines	3.618.177.996	3.420.489.671
Các khách hàng khác	59.448.333.369	44.876.801.736
	90.630.649.632	69.115.769.586

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Lãi dự thu	4.073.538.200	549.966.000
Tạm ứng	376.885.071	613.160.576
Phải thu người lao động	314.450.000	350.000.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	140.000.000	140.000.000
Phải thu khác	115.309.770	613.720.052
	5.020.183.041	2.266.846.628

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018			1/1/2018				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Vận tải Hòa phương đồ	Trên 3 năm	70.059.000	70.059.000	-	Trên 3 năm	70.059.000	70.059.000	-
Công ty Cổ phần Tân Lộc Xanh	Trên 3 năm	51.866.030	51.866.030	-	Trên 3 năm	51.866.030	51.866.030	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ THA	Trên 3 năm	110.000.000	110.000.000	-	Trên 3 năm	110.000.000	110.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Long Bảo An	Trên 3 năm	37.371.000	37.371.000	-	Trên 3 năm	37.371.000	37.371.000	-
Công ty TNHH Nam Vạn Lý	Trên 3 năm	892.597.523	892.597.523	-	Từ 2 - 3 năm	892.597.523	624.818.266	267.779.257
Công ty Cổ phần Đồng Xanh	Trên 3 năm	63.122.695	63.122.695	-	Trên 3 năm	63.122.695	63.122.695	-
Công ty TNHH Vận tải biển Hải Nam	Trên 3 năm	20.343.020	20.343.020	-	Trên 3 năm	20.343.020	20.343.020	-
Công ty Cổ phần đầu tư Hồng Hoàng Hồng	Trên 3 năm	16.000.000	16.000.000	-	Từ 2 - 3 năm	16.000.000	11.200.000	4.800.000
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Đại Hiệp	-	-	-	-	Từ 1 - 2 năm	361.609.866	180.804.933	180.804.933
Ông Huỳnh Không	Trên 3 năm	41.124.454	41.124.454	-	Từ 2 - 3 năm	41.124.454	28.787.118	12.337.336
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Khai thác Khoáng sản Thăng Long	Từ 1 - 2 năm	7.260.000	3.630.000	3.630.000	Từ 6 tháng - 1 năm	7.260.000	2.178.000	5.082.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Lũng Lô - VCCP	Từ 1 - 2 năm	88.672.320	44.336.160	44.336.160	-	-	-	-
		<u>1.398.416.042</u>	<u>1.350.449.882</u>	<u>47.966.160</u>		<u>1.671.353.588</u>	<u>1.200.550.062</u>	<u>470.803.526</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

1.350.449.882

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	8.930.155.012	-	9.194.131.471	-
Công cụ và dụng cụ	162.759.251	-	187.213.586	-
Hàng hóa	89.952.812	-	159.085.696	-
	<hr/>		<hr/>	
	9.182.867.075	-	9.540.430.753	-
	<hr/>		<hr/>	

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	616.108.208.828	559.336.680.241	94.854.550.689	10.414.089.083	1.817.615.236	1.282.531.144.077
Tăng trong năm	-	562.600.000	1.791.818.184	1.053.860.063	-	3.408.278.247
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	514.503.123.279	226.766.167.083	-	181.825.000	-	741.451.115.362
Số dư cuối năm	1.130.611.332.107	786.665.447.324	96.646.368.873	11.649.774.146	1.817.615.236	2.027.390.537.686
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	438.491.671.615	347.236.864.988	92.474.237.922	10.094.029.583	1.769.227.845	890.066.031.953
Khấu hao trong năm	57.875.742.965	62.872.207.676	2.113.270.785	373.286.062	17.624.760	123.252.132.248
Số dư cuối năm	496.367.414.580	410.109.072.664	94.587.508.707	10.467.315.645	1.786.852.605	1.013.318.164.201
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	177.616.537.213	212.099.815.253	2.380.312.767	320.059.500	48.387.391	392.465.112.124
Số dư cuối năm	634.243.917.527	376.556.374.660	2.058.860.166	1.182.458.501	30.762.631	1.014.072.373.485

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 445.034 triệu VND (1/1/2018: 376.073 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 81.315 triệu VND (1/1/2018: 111.411 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 21).

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	100.560.170.987	2.722.900.000	103.283.070.987
Tăng trong năm	-	268.700.000	268.700.000
Số dư cuối năm	100.560.170.987	2.991.600.000	103.551.770.987
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.722.900.000	2.722.900.000
Khấu hao trong năm	-	36.092.459	36.092.459
Số dư cuối năm	-	2.758.992.459	2.758.992.459
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	100.560.170.987	-	100.560.170.987
Số dư cuối năm	100.560.170.987	232.607.541	100.792.778.528

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.723 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 2.723 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 49.514 triệu VND (1/1/2018: 49.514 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 21).

13. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	145.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.249.995
Khấu hao trong năm	5.799.996
Số dư cuối năm	13.049.991
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	137.750.005
Số dư cuối năm	131.950.009

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	462.489.573.464	39.147.284.763
Tăng trong năm	284.905.749.560	573.936.595.283
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(741.451.115.362)	(150.594.306.582)
Giảm khác	(146.000.000)	-
Số dư cuối năm	5.798.207.662	462.489.573.464

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trung tâm Logistics tại Hòa Vang	5.464.269.026	5.464.269.026
Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng Tiên Sa - giai đoạn 2	-	456.479.077.349
Các khoản mục khác	333.938.636	546.227.089
	5.798.207.662	462.489.573.464

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phí bảo hiểm trả trước	877.468.205	742.406.326
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	475.363.690	656.000.185
	<hr/>	<hr/>
	1.352.831.895	1.398.406.511
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	176.084.229
Tăng trong năm	49.381.818
Phân bổ trong năm	(150.161.766)
	<hr/>
Số dư cuối năm	75.304.281
	<hr/>

16. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	7.526.732.643	7.523.020.534
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	3.575.753.731	2.226.238.685
Các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	56.614.078.218	54.408.034.794
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình thủy Hà Nội	18.041.827.094	27.248.504.570
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	52.800.000	19.883.524.416
Các nhà cung cấp khác	10.153.681.572	6.033.592.931
	<hr/>	<hr/>
	95.964.873.258	117.322.915.930
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	5.246.566.142	11.209.538.319
Các khách hàng khác	199.420.563	183.473.697
	5.445.986.705	11.393.012.016

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	68.500.684.372	(68.500.684.372)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.961.864.918	36.505.358.022	(32.172.776.147)	7.294.446.793
Thuế thu nhập cá nhân	2.726.129.152	8.292.876.844	(8.802.011.156)	2.216.994.840
Tiền thuế đất	-	5.712.853.036	(3.948.825.376)	1.764.027.660
Các loại thuế khác	-	2.003.330.903	(1.835.013.111)	168.317.792
	5.687.994.070	121.015.103.177	(115.259.310.162)	11.443.787.085

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	1.516.952.820	1.132.621.017

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Kinh phí công đoàn	505.132.741	996.328.777
Tiền hỗ trợ tháo dỡ di dời	1.597.938.600	1.597.938.600
Hỗ trợ ngừng sản xuất cho người lao động	382.427.460	382.427.460
Cổ tức phải trả	19.800.277.082	24.750.277.082
Phải trả khác	864.382.176	534.719.050
	23.150.158.059	28.261.690.969

22. Dự phòng phải trả

Biến động của khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu năm	3.245.078.124
Sử dụng dự phòng trong năm	(77.039.950)
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.168.038.174
	<hr/>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	12.322.344.016	11.953.296.736
Trích lập trong năm	13.588.630.810	14.320.997.047
Sử dụng trong năm	(12.886.359.778)	(13.951.949.767)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	13.024.615.048	12.322.344.016
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	660.000.000.000	-	51.075.383.456	108.523.591.367	819.598.974.823
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	131.566.308.092	131.566.308.092
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	61.202.594.320	(61.202.594.320)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(14.320.997.047)	(14.320.997.047)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(66.000.000.000)	(66.000.000.000)
Biến động khác	-	-	-	(493.337.652)	(493.337.652)
Số dư tại ngày 1/1/2018	660.000.000.000	-	112.277.977.776	98.072.970.440	870.350.948.216
Phát hành cổ phiếu	330.000.000.000	(215.000.000)	-	-	329.785.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	147.484.206.758	147.484.206.758
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	44.884.339.630	(44.884.339.630)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(13.588.630.810)	(13.588.630.810)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(108.900.000.000)	(108.900.000.000)
Biến động khác	-	-	-	(604.807.015)	(604.807.015)
Số dư tại ngày 31/12/2018	990.000.000.000	(215.000.000)	157.162.317.406	77.579.399.743	1.224.526.717.149

(*) Đây là chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	99.000.000	990.000.000.000	66.000.000	660.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	99.000.000	990.000.000.000	66.000.000	660.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	99.000.000	990.000.000.000	66.000.000	660.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	66.000.000	660.000.000.000	66.000.000	660.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	33.000.000	330.000.000.000	-	-
Số dư cuối năm	99.000.000	990.000.000.000	66.000.000	660.000.000.000

Ngày 5 tháng 1 năm 2018, Công ty bắt đầu chào bán quyền mua 33.000.000 cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá bán bằng với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu được các cổ đông hiện hữu đăng ký mua là 32.959.870, số còn lại 40.130 cổ phiếu được tiếp tục bán cho một số cổ đông hiện hữu khác. Việc phát hành cổ phiếu được hoàn thành vào ngày 5 tháng 4 năm 2018.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2017 bằng tiền trị giá 72.600 triệu VND cho các cổ đông của Công ty, trong đó 33.000 triệu VND đã được tạm ứng trong tháng 12 năm 2017.

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 8 năm 2018 và ngày 17 tháng 12 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2018 với tổng trị giá là 69.300 triệu VND cho các cổ đông của Công ty. Các khoản cổ tức này đã được trả hết tại ngày của báo cáo này.

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.626.825.550	3.849.252.650
Trong vòng hai đến năm năm	14.507.302.200	15.397.010.600
Sau năm năm	120.591.949.538	131.836.903.263
	<hr/>	<hr/>
	138.726.077.288	151.083.166.513
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	22.653	523.705.943	7.692	174.238.707
JPY	44.000	8.866.000	-	-
		<hr/>		<hr/>
		532.571.943		174.238.707
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	90.921.290.232	340.981.208.490
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán xăng dầu	11.104.347.328	-
▪ Cung cấp dịch vụ cảng, bến cảng	684.569.906.966	601.447.223.364
	<hr/> 695.674.254.294	<hr/> 601.447.223.364
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	932.737.170	330.786.698
	<hr/> 694.741.517.124	<hr/> 601.116.436.666
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

30. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	10.149.452.071	-
▪ Dịch vụ đã cung cấp	450.355.067.454	387.560.830.887
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(338.473.211)
	<hr/> 460.504.519.525	<hr/> 387.222.357.676
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	14.562.457.430	8.692.132.946
Cổ tức được chia	4.551.708.800	3.869.937.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.551.549.868	587.829.069
	<hr/> 21.665.716.098	<hr/> 13.149.899.015
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

32. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	13.916.484.149	1.932.055.489
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	140.934.200	(40.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	728.640.612	1.544.762.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.704.002.184	3.964.599.407
Chi phí tài chính khác	-	6.746.926
	<hr/> 17.490.061.145	<hr/> 7.408.164.037 <hr/>

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	33.124.591.828	32.092.393.493
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ quản lý	967.098.128	1.244.816.354
Chi phí khấu hao	912.218.164	1.348.667.687
Thuế, phí và lệ phí	558.931.315	351.720.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.287.573.212	2.019.204.099
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	149.899.820	115.861.198
Chi hỗ trợ người lao động nghỉ việc	-	2.950.000.000
Chi phí khác	16.217.323.760	19.957.707.802
	<hr/> 53.217.636.227	<hr/> 60.080.371.052 <hr/>

34. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Thu bồi thường bảo hiểm	1.315.027.772	546.678.904
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.842.723.522
Thưởng năng suất giải phóng tàu	144.372.178	1.313.148.727
Thu nhập khác	224.947.607	659.974.348
	<hr/> 1.684.347.557	<hr/> 6.362.525.501 <hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất kinh doanh	26.189.186.891	25.342.413.505
Chi phí nhân công	182.907.210.023	165.992.712.731
Chi phí khấu hao và phân bổ	123.294.024.703	103.577.743.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.659.423.174	97.224.472.661
Chi phí khác	56.503.129.922	57.772.070.625

36. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	183.384.757.765	162.144.300.327
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	36.676.951.553	32.428.860.065
Chi phí không được khấu trừ thuế	126.227.079	36.160.864
Biến động chênh lệch tạm thời	7.714.135	(1.113.041.294)
Thu nhập không bị tính thuế	(910.341.760)	(773.987.400)

	35.900.551.007	30.577.992.235
--	----------------	----------------

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018	2017 (Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	147.484.206.758	131.566.308.092
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
<hr/>		
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	147.484.206.758	131.566.308.092
<hr/>		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (cổ phiếu)	90.841.667	80.868.132
<hr/>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.624	1.627
<hr/>		

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017 (Đã điều chỉnh lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	66.000.000	66.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	24.841.667	14.868.132
<hr/>		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	90.841.667	80.868.132
<hr/>		

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Trong năm 2018, Công ty phát hành 33 triệu cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu đang lưu hành. Do đó, đây được coi là có yếu tố thường trong việc phát hành cổ phiếu. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bị thay đổi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền Số cổ phiếu (Đã điều chỉnh lại)	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND (Đã điều chỉnh lại)
Số báo cáo trước đây	66.000.000	1.993
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu	14.868.132	(366)
Số điều chỉnh lại	80.868.132	1.627

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty mẹ		
<i>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</i>		
Cổ tức công bố và đã trả	71.575.000.000	24.750.000.000
Các bên liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.617.752.423	3.708.416.475
Mua hàng hóa và dịch vụ	26.086.195.211	22.737.769.840
Cổ tức nhận được	2.332.708.800	1.619.937.000
Mua thêm cổ phiếu	-	3.239.870.000

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty Cổ phần Tàu Lai Cảng Đà Nẵng		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.183.023.211	239.342.545
Mua hàng hóa và dịch vụ	55.737.226.861	50.377.481.589
Cổ tức nhận được	2.079.000.000	1.890.000.000
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam		
Cổ tức nhận được	140.000.000	360.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông		
Cung cấp dịch vụ	17.429.615.480	19.460.374.880
Công ty Vận tải biển Container Vinalines		
Cung cấp dịch vụ	2.878.080.095	11.453.538.156
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)		
Cung cấp dịch vụ	17.580.000	622.175.479
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Đà Nẵng		
Cung cấp dịch vụ	7.097.249.806	5.530.930.444
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.110.697.499	1.382.919.453
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	1.741.405.831	1.987.384.753
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	1.174.640.326	1.034.929.671
Thù lao	396.000.000	371.850.000

Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

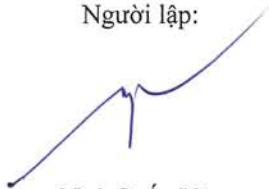
Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Số liệu so sánh

Trừ việc điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như được trình bày tại Thuyết minh 37, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Ngô Quốc Văn
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Tâm
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Trần Lê Tuấn
Quyền Tổng Giám đốc

